逃 影子 此外

yĭngzi

熬夜	赶紧	果然	姑娘
áoyè	gǎnjǐn	guŏrán	gūniang
锅	盆子	整个	吓

HSK 5 - L6 - 2/3

钢 guō 似的

shìde

纷纷

fēnfēn

táo

二十 pénzi 追

zhui

biǎodá

zhěnggè

jiàn

yìyì

cĭwài



射击 shèjī 鞭炮 biānpào

说不定

shuōbudìng